

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy trình vỗ béo bò trước khi giết thịt**

**CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI**

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11;

Căn cứ Quyết định số 18/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Gia súc lớn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình vỗ béo bò trước khi giết thịt”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Sở NN & PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, GSL.



**Hoàng Kim Giao**



**QUY TRÌNH KỸ THUẬT VỠ BÉO BÒ TRƯỚC KHI GIẾT THỊT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CN ngày 30 tháng 05 năm 2008 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi)

**1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

- Đối tượng bò được vỗ béo: Những bò không sử dụng để cày kéo, vắt sữa, sinh sản, bò gây do thiếu dinh dưỡng, không mắc bệnh truyền nhiễm.
- Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân chăn nuôi bò lấy thịt trên phạm vi cả nước.

**2. Nội dung quy trình**

**2.1. Chuẩn bị bò vỗ béo**

Những bò thuộc đối tượng trên phải được phân nhóm theo tuổi, giống, giới tính, thể trạng, tầm vóc.

Những bò bị bệnh thông thường phải điều trị khỏi bệnh trước khi đưa vào vỗ béo.

**2.2. Tẩy ký sinh trùng**

Trước khi đưa vào vỗ béo bò phải tẩy ký sinh trùng theo các phương pháp dưới đây:

a. Ngoại ký sinh trùng: Ve, rận, ruồi trâu...

- Sử dụng các loại thuốc có phổ hoạt lực rộng như Neuguvon hoặc Asuntol hòa thành dung dịch tắm hoặc xoa. Liều sử dụng phải thực hiện theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Pha và sử dụng thuốc: Sử dụng Nevugvon với liều phổ biến 1,25g/lít nước, bổ sung 50ml dầu ăn và 20gram xà phòng bột lắc đều trước khi sử dụng. Dùng bình phun đều lên toàn bộ cơ thể bò đặc biệt vùng bẹn, vùng nách và yếm. Có thể đeo găng tay, dùng giẻ để bôi thuốc. Không để thuốc bám vào người, quần áo. Không hút thuốc, ăn uống trong khi pha và bôi thuốc.

- Nếu không có các loại thuốc trên có thể sử dụng thuốc có tác dụng tương tự theo hướng dẫn của thú y.

b. Nội ký sinh trùng: giun sán đường ruột, giun phổi, sán lá gan

- Sử dụng các loại thuốc có phổ hoạt lực rộng như: Levamisole, Tetramisole điều trị nội ký sinh trùng đường ruột và Fasinex điều trị sán lá gan.

- Liều lượng: Levamisole 7,5%: 1ml/20kg thể trọng. Fasinex: 1 viên/75kg thể trọng.

- Cách sử dụng: Có thể ở dạng uống, trộn vào thức ăn hoặc tiêm theo hướng dẫn.

- Nếu không có các loại thuốc trên có thể sử dụng thuốc khác có tác dụng tương tự theo hướng dẫn của thú y.

### 2.3. Thức ăn

Thức ăn dùng vỗ béo bò bao gồm: thức ăn thô xanh, phụ phẩm, thức ăn tinh, thức ăn bổ sung khoáng và vitamin... Căn cứ vào nguồn thức ăn sẵn có để lựa chọn các nguyên liệu thức ăn chính như sau:

- Thức ăn thô xanh: các loại cỏ, thức ăn ủ chua, phụ phẩm nông nghiệp, phụ phẩm công nghiệp (bã bia, bã rượu, rỉ mật, bã đậu, bã dứa, vỏ hoa quả) chiếm tỷ lệ 55-60% vật chất khô trong khẩu phần.

- Thức ăn tinh: là các loại hạt ngũ cốc, họ đậu, cám (cám gạo, cám mỳ...), các loại khô dầu, thức ăn hỗn hợp... chiếm 40-45% vật chất khô trong khẩu phần.

Trên cơ sở các loại nguyên liệu thức ăn trên bổ sung khoáng và vitamin phối hợp thành khẩu phần hoàn chỉnh để vỗ béo bò.

Các công thức thức ăn, cách phối hợp tham khảo thêm tại phần phụ lục.

### 2.4. Chuồng trại và phương thức vỗ béo

- Chuồng nuôi đảm bảo thoáng mát, sạch sẽ, bò đi lại tự do trong chuồng.

- *Phương thức vỗ béo*: Nuôi nhốt tại chuồng, cung cấp thức ăn, nước uống và cho ăn tự do theo yêu cầu (ad libitum).

- Theo dõi số lượng thức ăn hàng ngày để bổ sung và điều chỉnh lượng thức ăn kịp thời. Xác định khối lượng bò trước và sau khi vỗ béo.

### 2.5. Vệ sinh thú y

Tiêu độc, khử trùng và vệ sinh chuồng trại, môi trường chăn nuôi trước, trong và sau khi vỗ béo.

Phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho bò trong thời gian vỗ béo, đặc biệt các bệnh về đường tiêu hoá.

### 2.6. Thời gian vỗ béo

Từ 50-60 ngày, dự kiến tăng trọng: 800-1200g/con/ngày. Thời gian vỗ béo kéo dài trên 60 ngày khả năng tăng trọng/ngày sẽ giảm, tiêu tốn thức ăn cao, hiệu quả vỗ béo thấp.

Bán, giết thịt ngay sau khi kết thúc vỗ béo.



**PHỤ LỤC**

**I. Dự kiến tăng trọng của bò vỗ béo trên nền dinh dưỡng có năng lượng trao đổi trong khẩu phần khác nhau**

KL <sup>1</sup> hơi (kg)	Năng lượng trao đổi được cung cấp trong khẩu phần ăn (MJ/1 ngày)						Tăng trọng hàng ngày (kg)
	M/D 8	M/D 9	M/D 10	M/D 11	M/D 12	M/D 13	
100	17	17	17	17	17	17	0
		30	29	28	27	26	0.5
					41	39	1.0
150	22	22	22	22	22	22	0
		36	35	34	33	32	0.5
					48	46	1.0
200	27	27	27	27	27	27	0
		42	41	40	39	37	0.5
				58	56	53	1.0
						78	1.5
250	31	31	31	31	31	31	0
	51	49	47	45	44	43	0.5
				66	63	60	1.0
						86	1.5
300	36	36	36	36	36	36	0
	57	57	53	52	50	49	0.5
			77	73	70	67	1.0
						97	1.5
350	40	40	40	40	40	40	0
	63	61	58	57	55	54	0.5
		89	84	81	77	74	1.0
						106	1.5
400	45	45	45	45	45	45	0
	70	67	65	63	61	60	0.5
			93	88	85	81	1.0
					121	116	1.5
450	49	49	49	49	49	49	0
	75	73	70	69	67	66	0.5
				96	91	88	1.0
						125	1.5
500	54	54	54	54	54	54	0
	82	79	76	74	73	71	0.5
			108	103	99	95	1.0
					141	134	1.5

Ghi chú:

M/D 8 nghĩa là: 8 MJ/kg VCK

1 calori = 4,184 joules

8/4.184 x 1000 = 1912kcal.

## 2. Khẩu phần ăn hoàn chỉnh nuôi bò vỗ béo

Mức năng lượng trong khẩu phần (MJ ME/kg VCK)	10.5-11 tương đương 2500-2630 kcal
Protein thô (%)	14
Xơ tối thiểu (%)	15
Tỷ lệ thô (% VCK)	25-30
Canxi (%)	0.4-0.7
Photpho (%)	0.35

## 3. Các công thức trộn thức ăn tinh trên nền bột sắn

- Công thức 1 (protein thô 18%)

Sắn khô	67 kg
Bột ngô	31 kg
Bột cá	9 kg
Urê	3 kg
Muối	1 kg
Bột xương	1kg
<b>Tổng cộng</b>	<b>112 kg</b>

- Công thức 2 (protein thô 16%)

Sắn khô	72 kg
Bột ngô	30 kg
Bột cá	5,5kg
Urê	3 kg
Muối	1 kg
Bột xương	1 kg
<b>Tổng cộng</b>	<b>112,5kg</b>

- Công thức 3 (protein thô 16%)

Sắn khô	65 kg
Bột ngô	10 kg
Cám gạo	8 kg
Khô đậu tương	5kg
Bột cá	2 kg
Rỉ mật	5.0 kg
Urê	3 kg
Muối	1 kg
Bột xương	1 kg
<b>Tổng cộng</b>	<b>100kg</b>

- Công thức 4, 5, 6, 7

Nguyên liệu	Công thức			
	4	5	6	7
Sắn lát (%)	40	40	50	50
Bột ngô (%)	10	10	10	10
Rỉ mật (%)	30	30	20	20
Khô dậu lạc (%)	18	12	18	12
Bột keo dậu (%)	-	6	-	6
Urê (%)	-	0,5	0,5	1
Bột xương (%)	1	1	1	1
Muối ăn (%)	1	0,5	1	0,5

#### 4. Phương pháp phối trộn thức ăn thú công tại gia đình

- Các dụng cụ cần thiết: cân 100kg, xêng, chậu, thùng.
- Sử dụng nền nhà, nền sân gạch hoặc xi măng.
- Phối trộn theo nguyên tắc: những nguyên liệu ít trước khi phối trộn phải nâng thể tích lên trước, sau đó phối trộn như phương pháp trộn bê tông.
- Trước tiên trộn muối và bột xương với nhau, sau đó dùng 10kg ngô để trộn đều với hỗn hợp muối, bột xương và bột cá thành hỗn hợp 15kg.
- Trộn đều urê với 10kg bột ngô khác thành hỗn hợp 13kg.
- Trộn đều 2 hỗn hợp này với nhau trước khi trộn đều với toàn bộ bột sắn và ngô còn lại.
- Với công thức có rỉ mật chỉ trộn trước khi cho ăn theo tỷ lệ.

